TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2026/DS-ST
Ngày: 22-01-2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Tám
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Kim Anh
2. Bà Trương Thị Hồng Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 469/2025/TLST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5218/2025/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 5946/2025/QĐST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần S; địa chỉ: Phường X (địa chỉ cũ: Phường S, Quận C), Thành phố H; địa chỉ liên lạc: Phường X (địa chỉ cũ: Phường S, Quận C), Thành phố H;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Đức T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, theo văn bản ủy quyền số 2049/2024/UQ-TGĐ ngày 03/4/2024 và số 2535A/2022/GUQ-PL ngày 12/10/2022; địa chỉ: Phường X (địa chỉ cũ: Phường S, Quận C), Thành phố H, (có đơn xin vắng mặt);

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Anh K, sinh năm 1996; địa chỉ: Phường A (địa chỉ cũ: Phường C, quận V), Thành phố H, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 06/5/2024 của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ông Nguyễn Anh K ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần S hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 25/3/2019 (gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng

và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của ngân hàng – các tài liệu này gọi chung là hợp đồng). Theo thỏa thuận và căn cứ vào thu nhập của bị đơn, nguyên đơn đồng ý cấp 03 thẻ tín dụng cùng ngày 25/3/2019 với hạn mức sử dụng chung là 40.000.000 đồng, mục đích vay để tiêu dùng cá nhân; cụ thể là thẻ MC Contactless số 526830-1130, thẻ VS payWave Cre Gold số 472075-8536, thẻ JCB JSpeedy Cre Gold số 356481-2151.

Sau khi được cấp thẻ, bị đơn đã thực hiện các giao dịch và thanh toán cụ thể như sau:

- Thẻ MC Contactless số 526830-1130: Số tiền giao dịch là 3.095.500 đồng, đã thanh toán 1.535.713 đồng;
- Thẻ VS payWave Cre Gold số 472075-8536: Số tiền giao dịch là 7.740.000 đồng, đã thanh toán 5.552.411 đồng;
- Thẻ JCB JSpeedy Cre Gold số 356481-2151: Số tiền giao dịch là 117.675.841 đồng, đã thanh toán 117.594.715 đồng.

Thứ tự thanh toán căn cứ theo quy định tại Điều 20 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở, ông Nguyễn Anh K vẫn không thực hiện thanh toán các khoản nợ còn lại cho ngân hàng. Do đó, ngày 23/12/2021 nguyên đơn đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng của bị đơn và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng.

Theo đối chiếu bản sao kê sử dụng thẻ tín dụng tính đến ngày 26/3/2024, ông Nguyễn Anh K còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần S tổng số tiền là 55.648.735 đồng (trong đó nợ gốc là 24.479.935 đồng, nợ lãi quá hạn là 31.168.800 đồng).

Ngân hàng Thương mại cổ phần S khởi kiện, yêu cầu ông Nguyễn Anh K phải trả ngay cho nguyên đơn tổng số nợ gốc và lãi tính đến ngày 22/01/2026 là 76.875.343 đồng đồng, trong đó nợ gốc là 24.479.935 đồng, nợ lãi quá hạn là 52.395.408 đồng; ngoài ra, nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Anh K phải thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 23/01/2026 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng các bên đã ký.

Thời hạn thanh toán: Trả ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để triệu tập ông Nguyễn Anh K tới Tòa án để trình bày ý kiến, tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Nguyễn Anh K không đến, do đó Tòa án không lấy lời khai của ông Nguyễn Anh K cũng như không tiến hành hòa giải giữa nguyên đơn và bị đơn được.

Sau khi được tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng người tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Ngân hàng Thương mại cổ phần S đã ký hợp đồng tín dụng nêu trên với ông Nguyễn Anh K theo như nội dung vụ án đã thể hiện, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Án phí xử lý theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ông Nguyễn Anh K có vay tiền qua sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần S có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng. Do ông Nguyễn Anh K không trả tiền đúng hạn nên Ngân hàng Thương mại cổ phần S được quyền khởi kiện.

Theo Biên bản xác minh tại Công an thị trấn Bình Đại của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre ngày 14/11/2024 xác nhận ông Nguyễn Anh K có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Bình Thuận, thị trấn Bình Đại, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre nhưng hiện nay ông Nguyễn Anh K không sinh sống tại địa phương.

Xét địa chỉ cư trú của bị đơn được ghi trong hợp đồng (là Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng) tại Phường A (địa chỉ cũ: Phường C, quận V), Thành phố H. Bên cạnh đó, đơn khởi kiện của nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú hiện tại của bị đơn theo hợp đồng và nguyên đơn không biết địa chỉ thực tế cư trú nào khác của bị đơn. Nguyên đơn không yêu cầu thông báo tìm kiếm bị đơn trên phương tiện thông tin đại chúng. Tòa án đã xác minh địa chỉ cư trú của ông Nguyễn Anh K tại Công an Phường A (địa chỉ cũ: Phường C, quận V), Thành phố H, kết quả xác minh ông Nguyễn Anh K không thực tế cư trú tại Phường A (địa chỉ cũ: Phường C, quận V, Thành phố H. Như vậy, việc bị đơn thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho nguyên đơn biết về địa chỉ cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a và g khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 5 và 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nơi bị đơn cư trú và Tòa án nơi

hợp đồng được thực hiện để giải quyết. Do đó, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Về người tham gia tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa kèm Giấy triệu tập đương sự cho ông Nguyễn Anh K, nhưng tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Anh K.

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2]. Về nội dung:

Quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Nguyễn Anh K và Ngân hàng Thương mại cổ phần S có thỏa thuận vay tài sản thể hiện trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 25/3/2019. Từ đó có đủ căn cứ để xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa hai bên là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung) và Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Đối với yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần S, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 25/3/2019 (gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của ngân hàng – các tài liệu này gọi chung là hợp đồng) được ký giữa ông Nguyễn Anh K với Ngân hàng Thương mại cổ phần S cho thấy việc giao kết hợp đồng tín dụng giữa các bên là có thật, nội dung mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật tại các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Xét Ngân hàng Thương mại cổ phần S đồng ý cấp 03 thẻ tín dụng cho ông Nguyễn Anh K với hạn mức sử dụng chung là 40.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, cụ thể là thẻ MC Contactless số 526830-1130, thẻ VS payWave Cre Gold số 472075-8536, thẻ JCB JSpeedy Cre Gold số 356481-2151. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Nguyễn Anh K đã thực hiện các giao dịch với với tổng số tiền 128.511.341 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, ông Nguyễn Anh K đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 124.682.839 đồng; thứ tự thanh toán căn cứ theo quy định tại Điều 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở, bị đơn vẫn không thực hiện thanh toán các khoản nợ còn lại cho nguyên đơn. Do đó, ngày 23/12/2021 nguyên đơn đã chấm dứt quyền sử dụng 03 thẻ tín dụng của ông Nguyễn Anh K và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng, dư nợ đến ngày 26/3/2024 là 55.648.735 đồng (trong đó nợ gốc là 24.479.935 đồng, nợ lãi quá hạn là 31.168.800 đồng). Như vậy, ông Nguyễn Anh K đã vi phạm về thời hạn thanh toán theo như thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ là có căn cứ. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tổng số tiền nợ tính đến ngày 22/01/2026 là 76.875.343 đồng, trong đó nợ

gốc là 24.479.935 đồng, nợ lãi quá hạn là 52.395.408 đồng và tiền nợ lãi phát sinh từ ngày 23/01/2026 trên số tiền còn nợ cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng các bên đã ký.

Xét quá trình tố tụng, Tòa án đã tống đạt các quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 3960/2025/QĐ-CCTLCC ngày 29/10/2025 cho ông Nguyễn Anh K, yêu cầu bị đơn cung cấp bản sao toàn bộ tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc ký kết, thực hiện hợp đồng thẻ tín dụng, thẻ tín dụng sử dụng, các khoản vay đã thanh toán, các khoản còn nợ và những tài liệu, chứng cứ khác có liên quan đến tranh chấp giữa bị đơn với nguyên đơn trong vụ án nhưng ông Nguyễn Anh K không có ý kiến phản hồi cũng như không giao nộp tài liệu, chứng cứ nào khác.

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của đương sự, xét thời điểm giao kết và thực hiện hợp đồng, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: "*Trường hợp có quy định khác nhau giữa luật này và các luật khác có liên quan về thành lập, tổ chức, hoạt động, kiểm soát đặc biệt, tổ chức lại, giải thể tổ chức tín dụng; việc thành lập, tổ chức, hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng thì áp dụng theo quy định của Luật này*", theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*". Do vậy, đối với hợp đồng vay mà một bên là tổ chức tín dụng thì lãi suất của hợp đồng vay được thực hiện theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy lãi suất và phí của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 25/3/2019 mà các bên đã ký kết phù hợp với quy định của pháp luật. Do ông Nguyễn Anh K vi phạm nghĩa vụ trả nợ quy định trong hợp đồng gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên Ngân hàng Thương mại cổ phần S khởi kiện, yêu cầu thu hồi nợ là có cơ sở pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S, cần buộc ông Nguyễn Anh K phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 22/01/2026 là 76.875.343 đồng, trong đó nợ gốc là 24.479.935 đồng, nợ lãi quá hạn là 52.395.408 đồng; kể từ ngày 23/01/2026, ông Nguyễn Anh K vẫn phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên số tiền còn nợ cho đến ngày ông Nguyễn Anh K thanh toán hết nợ vay theo lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng các bên đã ký; thanh toán một lần ngay sau khi có bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Luật phí, lệ phí Tòa án của Chính phủ, yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Anh K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản nợ mà ông Nguyễn Anh K phải trả. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a và g khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 150 Điều 177, Điều 203, Điều 217, Điều 218, Điều 219, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung);

Căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Điều 5 và 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Luật phí, lệ phí và Điều 48 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

- Buộc ông Nguyễn Anh K phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 22/01/2026 theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 25/3/2019 (gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của ngân hàng – các tài liệu này gọi chung là hợp đồng) là 76.875.343 (Bảy mươi sáu triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi ba) đồng, trong đó nợ gốc là 24.479.935 (Hai mươi bốn triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn chín trăm ba mươi lăm) đồng, nợ lãi quá hạn là 52.395.408 (Năm mươi hai triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn bốn trăm linh tám) đồng.

Kể từ ngày ngày 23/01/2026, ông Nguyễn Anh K vẫn phải tiếp tục trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S nợ lãi phát sinh trên số tiền còn nợ cho đến ngày ông Nguyễn Anh K thanh toán hết nợ vay theo mức lãi suất quy định trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 25/3/2019 (gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của ngân hàng – các tài liệu này gọi chung là hợp đồng) mà các bên đã ký.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay sau khi có bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Đến hạn thanh toán trên mà ông Nguyễn Anh K không thanh toán hết nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S thì Ngân hàng Thương mại cổ phần S được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành toàn bộ số tiền còn nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Anh K phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.843.767 (Ba triệu tám trăm bốn mươi ba nghìn bảy trăm sáu mươi bảy)

đồng đối với khoản nợ mà ông Nguyễn Anh K phải trả là 76.875.343 (Bảy mươi sáu triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi ba) đồng**.**

Ngân hàng Thương mại cổ phần S được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.391.218 (Một triệu ba trăm chín mươi mốt nghìn hai trăm mười tám) đồng theo biên lai thu số 0013669 ngày 14 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp (nay là Phòng Thi hàn án dân sự Khu vực 7), Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có tên nêu trên có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- VKSND Khu vực 7;
- Phòng THADS Khu vực 7;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS (Tú).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Tám